

Số: 1484/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng
đảo Hòn Thơm tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc,
tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 151,82ha**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 28/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về
quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số
72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập,
thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-
CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy
hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính
phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh
Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ điều chỉnh quy hoạch
chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số
486/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều
chỉnh cục bộ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên
Giang đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về
quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô
thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về
ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây
dựng;*



Căn cứ Quyết định số 1192/QĐ-UBND, ngày 13/05/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thom tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tỷ lệ 1/2000, quy mô khoảng 151,82 ha;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh về thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thom tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tỷ lệ 1/2000, quy mô 151,82 ha;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1219/TTr-SXD ngày 17/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thom tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000 với những nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng

1.1. Phạm vi ranh giới

Phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng đảo Hòn Thom thuộc phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, được xác định như sau:

- Phía Đông giáp biển.
- Phía Tây giáp biển.
- Phía Nam giáp biển.
- Phía Bắc giáp rừng phòng hộ và biển.

1.2. Diện tích: Rộng 151,82ha.

1.3. Tính chất: Là quần thể vui chơi giải trí biển, dịch vụ nghỉ dưỡng với tuyến cáp treo kết nối từ khu vực đô thị An Thới ra đảo Hòn Thom và khu ở tái định cư.

2. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

2.1. Chỉ tiêu cơ bản về dân số:

Dự báo dân số, khách du lịch: Dự kiến sau khi hoàn thành, khu quy hoạch có khả năng phục vụ cho khoảng 18.000 - 25.000 người/ngày, trong đó:

- Số lượng khách lưu trú khoảng 8.000 - 10.000 người/ngày đêm.
- Số lượng khách tham quan sử dụng các dịch vụ khoảng 10.000 - 15.000 người/ngày.
- Số lượng nhân viên phục vụ, điều hành khoảng 3.000 - 5.000 người.
- Quy mô dân số khu tái định cư: 500 người.

2.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất

- Khu du lịch: Mật độ xây dựng gộp tối đa 29,6%, tầng cao từ 1 - 8 tầng, các công trình điểm nhấn tối đa 27 tầng.

- Khu ở tái định cư: Mật độ xây dựng gộp tối đa 30%, tầng cao từ 1 - 3 tầng.

- Hệ số sử dụng đất gộp toàn khu tối đa 2 lần.

2.3. Các chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước:

+ Sinh hoạt: 150 lít/người-ngđ.

+ Du lịch: 250-300 lít/người-ngđ.

+ Công trình công cộng và dịch vụ: Tối thiểu 2 lít/m² sàn-ngđ.

- Cấp điện:

+ Sinh hoạt: 1.500 kWh/người/năm.

+ Khách sạn: 3,5kW/giường.

+ Công trình công cộng, dịch vụ: 20-30 W/m² sàn.

- Thu gom nước thải sinh hoạt: $\geq 85\%$ lượng nước cấp.

- Lượng thải chất thải rắn:

+ Sinh hoạt: 1,2 kg/người-ngày.

+ Du lịch: 2 kg/người-ngày.

3. Cơ cấu sử dụng đất

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch rộng 151,82ha, được cơ cấu sử dụng đất như sau:

Stt	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Khu du lịch	147,10	100
I	Đất dự án khách sạn	62,92	42,77
II	Đất công trình công cộng (dịch vụ du lịch)	33,91	23,05
III	Đất công viên	32,90	22,37
IV	Đất xây dựng hạ tầng	10,02	6,81
V	Đất khác (trụ cấp và bãi cát, bãi đá ven biển)	7,35	5,00
B	Khu ở tái định cư (thực hiện theo Quyết định số 66/QĐ-BQLKKTQP ngày 02/4/2019 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc)	4,72	100
Tổng cộng		151,82	

4. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng

Stt	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao xây dựng tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lân)
A	Khu du lịch		147,10			
I	Đất dự án khách sạn		62,92			
1	Đất du lịch lưu trú	BT	58,77			
	Du lịch lưu trú	1-BT-01	1,53	45-80	3-6	1,35-4,8
		1-BT-02	1,98			
		1-BT-03	2,23			
		2-BT-01	0,15	40-80	3-6	3,6-4,8
		2-BT-02	4,21	50-80	3-6	3,6-4,8
		3-BT-01	0,37	30-80	3-6	0,9-4,8
		4-BT-01	21,40			
		4-BT-02	7,79			
		5-BT-01	13,71			
		5-BT-02	5,40			
2	Đất khách sạn	KS	4,15			
	Khách sạn	1-KS-01	4,15	35	27	12,6
II	Đất công trình công cộng (dịch vụ du lịch)		33,91			
1	Đất hỗn hợp	HH	32,56			
	Hỗn hợp	1-HH-01	0,44	60-80	5-8	3-6,4
		1-HH-02	2,09			
		1-HH-03	0,38	55-80	5-8	2,75-6,4
		1-HH-04	5,03	50-80	5-8	2,5-6,4
		1-HH-05	0,03	70-80	5-8	3,5-6,4
		1-HH-06	0,44	55-80	5-8	2,75-6,4

		2-HH-01	2,08	50-80	5-8	2,5-6,4
		2-HH-02	1,91	35-50	3	1,75-4,0
		2-HH-03	0,17	70-80	5-8	3,5-6,4
		2-HH-04	0,20	50-80	5-8	2,5-6,4
		2-HH-05	0,92	50-80	5-8	2,5-6,4
		2-HH-06	0,10	60-80	5-8	3,0-6,4
		2-HH-07	0,39			
		2-HH-08	0,11	50-80	5-8	2,5-6,4
		2-HH-09	0,19	70-80	5-8	3,5-6,4
		2-HH-10	0,51	60-80	5-8	3,0-6,4
		2-HH-11	0,16	70-80	5-8	3,5-6,4
		2-HH-12	2,48	50-80	5-8	3,0-6,4
		3-HH-01	2,90	50-80	5-8	2,5-6,4
		3-HH-02	0,66	70-80	5-8	3,5-6,4
		3-HH-03	0,70	60-80	5-8	3,0-6,4
		3-HH-04	1,28	70-80	5-8	3,5-6,4
		3-HH-05	0,81			
		3-HH-06	1,93	60-80	5-8	3,0-6,4
		3-HH-07	1,06	60-80	3-6	1,8-4,8
		3-HH-08	1,29			
		3-HH-09	3,85	40-60	5-8	2,0-4,8
		6-HH-01	0,29	60-80	5-8	3,0-6,4
		6-HH-02	0,16			
2	Đất câu lạc bộ (<i>club</i> giải trí, bar, nhà hàng)		1,35			
	Khu câu lạc bộ	3-CLUB-01	0,34	60	3	1,80
		4-CLUB-01	0,82			
		4-CLUB-02	0,19			
III	Đất công viên		32,90			



1	Đất công viên chuyên đề		20,31			
	Công viên chuyên đề	2-CVGT-01	7,45	25	2	0,50
		2-CVGT-02	0,39			
		2-CVGT-03	0,38			
		2-CVGT-04	3,39			
		4-CVGT-01	0,34			
		4-CVGT-02	0,23			
		4-CVGT-03	0,23			
		5-CVGT-01	1,29			
		7-CVGT-01	6,61			
2	Đất không gian mở		5,23			
	Không gian mở	2-KGM-01	1,50	5	1	0,05
		2-KGM-02	0,47			
		3-KGM-01	1,81			
		3-KGM-02	0,61			
		3-KGM-03	0,84			
3	Đất cây xanh cảnh quan	CQ	7,36	-	-	-
IV	Đất xây dựng hạ tầng		10,02			
1	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật		1,52			
	Đầu mối hạ tầng kỹ thuật	2-HT-01	0,40	60	2	1,20
		2-HT-02	0,10			
		6-HT-01	0,47			
		6-HT-02	0,55			
2	Đất bãi xe	BX	0,50			
	Bãi xe	2-BX-01	0,14	60	5	3,00
		4-BX-01	0,13			
		4-BX-02	0,10			
		6-BX-01	0,13			

3	Đất giao thông		8,00	-	-	-
V	Đất khác		7,35			
1	Đất trụ cáp	2-TRU-T6	0,25	-	-	-
2	Đất bãi cát, bãi đá ven biển	BC	7,10	-	-	-
B	Khu ở tái định cư		4,72			
	Đất khu ở tái định cư	6-TDC-01	4,72	30	3	0,90
Tổng cộng			151,82	29,6	27	2

5. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

5.1. Phân khu chức năng

Cấu trúc không gian khu vực quy hoạch gồm: Khu vực phát triển du lịch, công viên chuyên đề, không gian mở, cây xanh cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và khu ở tái định cư được phân thành 7 phân khu như sau:

- Phân khu điểm nhấn Tây Bắc 22,37ha.
- Phân khu trung tâm dịch vụ, công viên giải trí chuyên đề 31,27ha.
- Phân khu trục Đông Tây, Vui chơi giải trí biển 27,42ha
- Phân khu làng biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng, công viên chuyên đề 34,71ha
- Phân khu resort nghỉ dưỡng cao cấp 20,64ha
- Phân khu Đông Bắc 8,80ha
- Phân khu công viên thủy cung 6,61ha

5.2. Bố cục không gian quy hoạch, kiến trúc

a) Tổ chức không gian quy hoạch

- Từ tuyến cáp treo kết nối đảo Hòn Thơm, hình thành các đường trục chính liên kết không gian khu quy hoạch.

- Dọc các tuyến trục chính tổ chức loại hình du lịch lưu trú, công trình khách sạn, công trình du lịch hỗn hợp, công viên chuyên đề tạo nên sự sôi động, sầm uất, thu hút khách du lịch.

- Công trình điểm nhấn có tầng cao 27 tầng (*Chiều cao trên 45m phải được Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu chấp thuận độ cao tỉnh không xây dựng công trình theo quy định*), chức năng khách sạn mang hình ảnh Cánh buồm no gió bên cạnh bến du thuyền là biểu tượng cho đảo Hòn Thơm.

b) Tổ chức không gian kiến trúc

Không gian kiến trúc được tổ chức trên cơ sở tổng thể không gian và yêu cầu của từng loại chức năng công trình để tạo được các công trình kiến trúc phù



hợp, hài hòa và thân thiện với cảnh quan toàn khu vực.

c) Bố cục không gian các khu vực trọng tâm và điểm nhấn: Các điểm nhấn quan trọng nằm dọc khu vực Bãi Trào, Bãi Nam và Bãi Chướng. Công trình điểm nhấn có thể tổ chức cao tầng hoặc thấp tầng với không gian rộng, kiến trúc đặc sắc.

d) Kiến trúc cảnh quan cây xanh công viên, vườn hoa và kiến trúc nhỏ: Kiến trúc cảnh quan cây xanh công viên, vườn hoa là tổ hợp của nhiều thành phần như: Công trình, kiến trúc nhỏ, vườn hoa, đường dạo, cây xanh, thảm cỏ..., kết hợp hài hòa thành một tổng thể chung tạo ra môi trường sinh thái phục vụ cho hoạt động văn hóa vui chơi giải trí của du khách.

6. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

6.1. Giao thông

a) Quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ

Bao gồm các tuyến đường D1 đến D9: Bao gồm các loại mặt cắt như sau:

- Mặt cắt 1A-1A có lộ giới rộng 20m, bao gồm mặt đường rộng 12m, lề đường mỗi bên rộng 4m.
- Mặt cắt 1B-1B có lộ giới rộng 18m, bao gồm mặt đường rộng 12m, lề đường rộng 2m và 4m.
- Mặt cắt 1C-1C có lộ giới rộng 12m, bao gồm mặt đường rộng 12m.
- Mặt cắt 2A-2A có lộ giới rộng 18m, bao gồm mặt đường rộng 9m, lề đường mỗi bên rộng 4,5m.
- Mặt cắt 2B-2B có lộ giới rộng 15m, bao gồm mặt đường rộng 9m, lề đường mỗi bên rộng 3m.
- Mặt cắt 3A-3A có lộ giới rộng 14m, bao gồm mặt đường rộng 6m, lề đường mỗi bên rộng 4m.
- Mặt cắt 3B-3B có lộ giới rộng 16m, bao gồm mặt đường rộng 10m, lề đường rộng 2m và 4m.
- Mặt cắt 3C-3C có lộ giới rộng 8m, bao gồm mặt đường rộng 6m, lề đường mỗi bên rộng 1m.
- Mặt cắt 4-4 có lộ giới rộng 4-5,5m, bao gồm mặt đường rộng 4-5,5m.

b) Giao thông đường thủy: Bố trí quy hoạch các bến thuyền cho đảo Hòn Thom nhằm phục vụ kết nối giao thông đường thủy giữa khu vực đảo Hòn Thom với các khu vực lân cận; đáp ứng nhu cầu cung cấp vận chuyển hàng hóa cho khu vực đảo; hình thành các tour du lịch bằng đường thủy ra đảo, góp phần đa dạng các hình thức khai thác du lịch trong khu vực; là nơi neo đậu tàu thuyền cho ngư dân sinh sống tại khu tái định cư tại khu vực đảo Hòn Thom trong mùa mưa bão.

6.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng



a) Cao độ san nền

- Chỉ san nền cho các khu vực địa hình thuận lợi (*khu trung tâm, khu Đông và khu Tây*), các khu vực còn lại có địa hình không thuận lợi do chênh cao địa hình lớn (*khu Nam và khu Bắc*) chỉ san nền cục bộ tại vị trí xây dựng công trình, đồng thời có giải pháp bố trí công trình trên nền địa hình tự nhiên đặc biệt là tại các vị trí xây dựng biệt thự nghỉ dưỡng.

- Cao độ không chế xây dựng của khu vực quy hoạch $H \geq 3m$.

b) Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế mới và riêng biệt với nước thải sinh hoạt.

- Các tuyến thoát nước mưa dự kiến xây dựng bằng cống tròn BTCT, được thiết kế nằm trong phân lộ giới đường, kết hợp bố trí rãnh thu nước ở phía taluy dương để thu gom nước từ các sườn núi.

- Hướng thoát nước chính: Bố trí hệ thống thoát nước trên vỉa hè các tuyến đường để thu gom nước mặt sau đó thoát ra biển.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng.

6.3. Cấp điện và chiếu sáng đô thị

a) Cấp điện

- Nguồn điện cung cấp cho khu quy hoạch từ tuyến cáp ngầm 30 MVA vượt biển.

- Tổng công suất cấp cho khu quy hoạch khoảng 49.332 kVA. Toàn bộ đường dây điện hạ thế được quy hoạch bố trí ngầm; Sử dụng đèn led tiết kiệm điện năng thân thiện với môi trường.

b) Chiếu sáng: Nguồn điện chiếu sáng được lấy từ các đường, hạ áp của trạm biến áp gần nhất. Toàn bộ đường dây điện chiếu sáng được quy hoạch bố trí ngầm.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện.

6.4. Cấp nước: Nguồn nước cấp được lấy từ trạm lọc nước biển được bố trí gần khu tái định cư Hòn Thơm. Tổng nhu cầu dùng nước khoảng $7.694m^3/ngày.đêm$.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước.

6.5. Thoát nước thải và thu gom chất thải rắn

a) Thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt trước khi thoát vào hệ thống đường cống gom phải được xử lý cục bộ trong từng công trình. Tất cả các khu vệ sinh đều phải có bể

tự hoại 3 ngăn, xây đúng quy cách, để xử lý sơ bộ nước thải, tránh làm ô nhiễm môi trường và làm tắc nghẽn hệ thống cống dẫn.

- Toàn bộ nước thải của khu vực quy hoạch được thu gom bằng các hố ga thu nước thải được bố trí dọc theo vỉa hè và hành lang đi bộ. Sau đó theo hệ thống cống gom và cống chính theo địa hình chảy tập trung về trạm xử lý nước thải với công suất 5.000 m³/ngày để xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định. Nước thải sau xử lý được tận dụng để tưới cây và rửa đường.

- Tổng lưu lượng nước thải khoảng: 4.740 m³/ngày đêm.

b) Thu gom chất thải rắn

- Rác thải được đưa về khu tập kết rác chung, sau đó vận chuyển bằng thuyền để đưa về trạm xử lý rác chung của toàn đảo Phú Quốc (sau này sẽ chuyển về trung tâm xử lý môi trường tại Hòn Rỏi, phường An Thới, thành phố Phú Quốc).

- Tổng lưu lượng rác thải khoảng: 32,5 tấn/ngày.đêm.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải.

6.6. Thông tin liên lạc

- Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia.

- Mạng lưới thông tin liên lạc được bố trí ngầm cùng với mạng điện đảm bảo theo quy chuẩn quy phạm nhà nước và mỹ quan đô thị.

- Từ tổng đài cấp dịch vụ viễn thông được dẫn các tuyến cáp chính đến khu vực qua trục đường. Từ đây sẽ có các tuyến phân phối đưa tới các khu lưu trú trong khu vực thiết kế theo yêu cầu.

Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Nội dung đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP; Điểm b, Khoản 10, Điều 2, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP.

- Giải pháp cụ thể về bảo vệ môi trường được thể hiện trong bản đồ đánh giá môi trường chiến lược và thuyết minh tổng hợp.

8. Giải pháp tái định cư: Bố trí tại khu ở tái định cư 4,72ha.

9. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

9.1. Những hạng mục ưu tiên đầu tư: Các trục đường chính, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải; công viên cây xanh...

9.2. Nguồn lực để thực hiện

- Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khung: Nguồn vốn thực hiện là vốn ngân sách và xã hội hoá.

- Kêu gọi đầu tư các khu chức năng theo Quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt.

Điều 2. Giao cho Trung tâm Quy hoạch Xây dựng phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc, Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương và các Sở, ngành liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng, phê duyệt hồ sơ mốc giới, triển khai cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt ngoài thực địa để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện.

- Tổ chức quản lý không gian kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Du lịch; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Đỗ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- LĐVP, P. KT, TT. PVHCC;
- Lưu: VT, nttrng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Lê Quốc Anh